

Bản án số: 89/2020/HS-ST
Ngày 17 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Thẩm phán: Ông Lò Văn Điệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Sơn, bà Nguyễn Thị Khánh Loan, bà Trần Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thanh Nghị - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- N3 diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Lò Thị N, tên gọi khác: không; Sinh ngày 02 tháng 02 năm 1991 tại: C, Sơn La. Nơi cư trú: bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; con ông: Lò Văn N1 và bà Lò Thị N2; có chồng là Hoàng Minh N3 và có 02 con (con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh ngày 09/5/2020). Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 26/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú (do đang mang thai), đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đèo Văn H Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

+ Ông Đặng Văn Q, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Minh N3, sinh năm 1983, trú tại: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Lò Văn N4, sinh năm 1979, trú tại: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Chị Lò Thị N5, sinh năm 1981, trú tại: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 20/3/2020, Tổ công tác Công an Thành phố W phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực bản A, xã B, thành phố W phát hiện, bắt quả tang Lò Thị N, trú tại B, C đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lò Thị N.

Vật chứng thu giữ: 60 túi nilon bên trong có chứa các viên nén màu hồng (ngghi là Methamphetamine); ngoài ra còn tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION.

Ngày 20/03/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố W thành lập hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định: 60 túi ni lon bên trong chứa 11.039 viên nén màu hồng có khối lượng 1.092,91 gam, trích trong mỗi túi lấy 05 viên màu hồng có khối lượng 28,80 gam làm mẫu trưng cầu giám định ký hiệu từ N1 đến N60.

Kết luận giám định số 505 ngày 23/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

Mẫu gửi giám định ký hiệu từ N1 đến N60 đều là ma túy; loại Methamphetamine; tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 28,80 gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1.092,91 gam; loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra bị can Lò Thị N khai nhận.

Ngày 13/03/2020, Lò Thị N đang ở nhà tại bản A, xã B, huyện C thì nhận được điện thoại của một người phụ nữ, tự giới thiệu tên K nhà ở xã A, huyện B. Qua trao đổi K đặt vấn đề hỏi mua 60 túi hồng phiến với giá 5.000.000 đồng/1 túi, N nói hiện không có hứa sẽ tìm mua, K hẹn N nếu mua được hồng phiến thì sáng ngày 20/3/2020 mang hồng phiến đến khu vực bản A, xã B, thành phố W để trao đổi mua bán hồng phiến, N đồng ý. Khoảng 17 giờ ngày 19/3/2020 N gọi điện cho Lò Thị N5 trú tại bản A, xã B, huyện C (chị gái N) hỏi mua nợ 60 túi hồng phiến hẹn sau khi bán được hồng phiến sẽ mang tiền đến trả, N5 đồng ý bán nợ cho N 60 túi hồng phiến với giá 3.500.000 đồng/1 túi và hẹn hôm sau sẽ mang hồng phiến đến nhà cho N. Khoảng 8 giờ ngày 20/3/2020 N đang ở nhà thì N5 và Lò Văn N4 (chồng của N5) đi xe máy đến cổng nhà N, N ra gặp N5 thì thấy tại móc treo hàng phía trước yên xe của N4 và N5 có treo 01 túi ni lon màu đỏ, N biết trong túi ni lon có hồng phiến nên đã đến lấy túi ni lon đang treo trên xe của N4 mở ra kiểm tra thấy có hồng phiến nên N mang vào cất giấu trong cốp xe máy của N rồi điều khiển xe máy mang hồng phiến đến khu vực bản A, xã B, thành phố Sơn La bán cho K như đã hẹn, lúc đó vợ chồng N4, N5 cũng điều khiển xe máy đi phía sau N ra thành phố Sơn La. Khi đến khu vực bản A, xã B N dừng xe ở lề đường chờ K đến để bán hồng phiến. Trong lúc đứng chờ K thì bị tổ công tác Công an thành phố Sơn La đến kiểm tra phát hiện, N tự

giác mở cốp xe máy lấy túi ni lon đựng 60 túi hồng phiến giao nộp. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lò Thị N, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Về nguồn gốc 11.039 viên Methamphetamine có khối lượng 1.092,91 gam thu giữ trong vụ án Lò Thị N khai mua của Lò Thị N5 trú tại bản A, xã B, huyện C, Lò Văn N4 là người chở N5 mang hồng phiến đến bán cho N, cùng ngày (20/3/2020), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố W đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Thị N5 và Lò Văn N4. Lò Thị N5 và Lò Văn N4 khai ngày 20/3/2020 N nhờ N5 đi cùng xuống Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La để khám bệnh nên N5 rủ N4 đi cùng, N5, N4 không biết việc N mang ma túy đi bán, không được tham gia mua bán ma túy với N vào ngày 20/3/2020. Ngoài lời khai của Lò Thị N không có tài liệu chứng cứ khác để chứng minh N5, N4 có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của N. Ngày 23/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố W đã ra quyết định trả tự do cho Lò Thị N5 và Lò Văn N4 và tiếp tục xác minh, điều tra khi có đủ căn cứ sẽ xử lý Lò Thị N5 và Lò Văn N4 theo quy định của pháp luật.

Đối với người phụ nữ tên là Kim, bị cáo chỉ nghe Kim tự giới thiệu trú tại xã A, huyện B (người đặt mua ma túy) N chưa gặp K cũng không biết địa chỉ cụ thể ở chỗ nào của xã A, huyện B, số điện thoại của K, N không lưu vào danh bạ cũng không nhớ số, sau khi Kim gọi trao đổi mua bán ma túy xong N đã xóa số điện thoại của Kim. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, điều tra.

Do có hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 97/VKS-P1 ngày 04/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lò Thị N về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lò Thị N và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Lò Thị N phạm tội mua bán trái phép chất ma túy

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, khoản 2 Điều 40, điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Thị N tù chung thân. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo

Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quan điểm của Luật sư Đèo Văn H bào chữa cho bị cáo Lò Thị N nhất trí với tội danh, Điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên vụ án có dấu hiệu dễ lọt người, lý do quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N khai thống nhất về thời gian và khẳng định mua ma túy của Lò Thị N5, Lò Văn N4, còn lời khai của Lò Thị N5, Lò Văn N4 không thống nhất về thời gian đi lại khi đưa N đi khám. Đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Trợ giúp viên pháp lý Đặng Văn Q đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 67 Bộ luật Hình sự tạm hoãn thi hành án đối với bị cáo.

Bị cáo Lò Thị N nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Minh N3 đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho gia đình xin lại chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA VISION.

Lò Thị N5 và Lò Văn N4 không thừa nhận hành vi mua bán ma túy với Lò Thị N, xác nhận không biết và không được tham gia, ngày 20/03/2020 được em gái là Lò Thị N nhờ đi cùng xuống Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La để khám thai, việc N mang theo ma túy N5 và N4 không được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều Công an thành phố W, Viện kiểm sát nhân dân thành phố W, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lò Thị N

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 20/3/2020, Lò Thị N bị bắt quả tang tại khu vực bản A, xã B, thành phố W khi đang Tàng trữ trái phép 11.039 viên Methamphetamine có khối lượng 1.092,91 gam mục đích để bán kiếm lời.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do tổ công tác lập hồi 11 giờ 00 phút ngày 20/03/2020 tại khu vực bản A, xã B, thành phố Sơn La đối với Lò Thị N cùng vật chứng thu giữ gồm: 60 túi nilon bên trong có chứa 11.039 viên nén màu hồng (nghi là Methamphetamine); ngoài ra còn tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION.

- Kết luận giám định số 505 ngày 23/03/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 1.092,91 gam; loại Methamphetamine.

- Lời khai nhận tội của bị cáo Lò Thị N tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Thị N đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Khung hình phạt áp dụng: Bị cáo Lò Thị N đã có hành vi mua bán trái phép 1.092,91 gam Methamphetamine, vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMT hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên*” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lò Thị N không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội khi đang mang thai, hiện nay đang nuôi con nhỏ 04 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Lò Thị N thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, khối lượng ma túy lớn, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tai, tệ nạn và các tội phạm khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa N5, lẽ ra phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc nhất mới đảm bảo biện pháp trừng trị riêng, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội khi đang mang thai và hiện đang nuôi con nhỏ 4 tháng tuổi, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 40 Bộ luật Hình sự xử phạt mức hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo Lò Thị N còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự. Xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với các đối tượng có liên quan:

Đối với người phụ nữ tên là Kim, bị cáo chỉ nghe K tự giới thiệu trú tại xã A, huyện B (người đặt mua ma túy) N chưa gặp K cũng không biết địa chỉ cụ thể ở chỗ nào của xã A, huyện B, số điện thoại của K, N không lưu vào danh bạ cũng không nhớ số, sau khi K gọi trao đổi mua bán ma túy xong N đã xóa số điện thoại của K. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, điều tra.

Đối với Lò Thị N5, Lò Văn N4 N khai là N5, N4 đã bán ma túy cho N, Cơ quan điều tra đã thực hiện đối chất và tại phiên tòa N5, N4 không thừa nhận bán ma túy cho N và cho rằng việc đi cùng N là để đưa N xuống Sơn La khám thai, việc N mang theo ma túy N5, N4 không biết, không được tham gia. Tuy nhiên, lý do tại sao đưa N đi khám thai mà không chở N (mà N4 chở N5), lời khai của N mua chịu ma túy của N5, N4 phù hợp với việc N5, N4 đi theo áp tải N để lấy tiền bán ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử Kiến nghị cơ quan Công an tỉnh Sơn La, tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ hành vi có dấu hiệu liên quan đến việc Mua bán trái phép chất ma túy đối với Lò Thị N5, Lò Văn N4 khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 1.064,11 gam Methamphetamine còn lại sau khi đã giám định, xét thấy là loại hàng Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA VISION, sơn màu trắng, biển kiểm soát 26M1- 098.60, số máy JF66E0271577, số khung RLHJF5818GY271526 thu giữ của Lò Thị N, quá trình điều tra xác định đó là tài sản chung của gia đình, bị cáo Lò Thị N dùng vào N5 tiện phạm tội gia đình không biết nay anh Hoàng Minh N3 có đơn xin lại chiếc xe trên, nên cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, vỏ màu đen, xanh thu giữ của bị cáo, qua điều tra xác minh bị cáo dùng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 26B1 - 514.09 + 01 giấy đăng ký của xe, thu giữ của Lò Thị N5, Lò Văn N4. Ngày 20/04/2020 Cơ quan điều tra (PC04) Công an tỉnh Sơn La ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả chiếc xe máy và giấy đăng ký cho anh Lò Văn N4.

[9] Về án phí: Do bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, khoản 2 Điều 40, điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Thị N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Thị N tù Chung thân, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 26/3/2020. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Kiến nghị cơ quan Công an tỉnh Sơn La, tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ hành vi có dấu hiệu liên quan đến việc Mua bán trái phép chất ma túy đối với Lò Thị N5, Lò Văn N4 khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 1.064,11 gam *Methamphetamine* được đựng trong 01 (một) hộp vật chứng còn nguyên niêm phong.

- Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, xanh (cảm ứng) có 02 imei và 04 số cuối; imei 1: 2296; imei 2: 2288, điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ của Lò Thị N.

- Trả lại cho anh Hoàng Minh N3 01 mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA loại xe VISION màu sơn trắng, xe có biển kiểm soát 26M1- 098.60, xe có số

khung RLHJF5818GY271526; số máy; JF66E-0271577, xe có 01 gương chiếu hậu, kèm 01 chìa khóa xe, xe đã qua sử dụng, thu giữ của Lò Thị N.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La,
- Phòng PC04-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ; Trợ giúp viên pháp lý;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền